CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

MỤC LỤC

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro.

Phần II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Phần III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính
2. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Phần IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Phần V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Phần VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo được tài chính kiểm toán

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
Tên Tiếng Anh	:	NGHỆ AN URBAN ENVIRONMENT AND WORKS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	URENCONA
Giấy CNĐKKD	:	2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 30 tháng 06 năm 2021.
Vốn điều lệ	:	36.699.990.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	36.699.990.000 đồng
Địa chỉ	:	Số 360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại	:	0889222678
Website	:	http//moitruongdothinghean.com.vn

*** Quá trình hình thành, phát triển**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An, tiền thân là Xí nghiệp vệ sinh, được thành lập theo Quyết định số 1204/UBND ngày 10/10/1973 của UBND tỉnh Nghệ Tĩnh về việc thành lập Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh,

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, công ty đã nhiều lần chuyển đổi mô hình tổ chức, thay đổi tên như :

Năm 1990: Xí nghiệp vệ sinh thành phố được đổi tên thành Công ty môi trường đô thị thành phố Vinh.

Năm 2009: Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Vinh, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đơn vị chủ quản là UBND Tỉnh Nghệ An.

Năm 2011: Đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An

Theo Quyết định số 5215/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An., Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) để thực hiện cổ phần hóa, với kết quả thực hiện bán đấu giá cổ phần như sau:

+ Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá: 1.187.369 cổ phần

+ Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần

+ Số lượng cổ phần bán được: 15.000 đồng/cổ phần

+ Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần

+ Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần

+ Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần

Ngày 25/5/2016, Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu với nhiều quyết định quan trọng được thông qua như: Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Ngày 02/06/2016, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02 tháng 06 năm 2016, với số vốn điều lệ là 38.585.100.000 đồng. Tuy nhiên, theo quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc điều chỉnh vốn điều lệ, vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 36.699.990.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng;

- Thu gom rác thải sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu, bể phốt;

- Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường.

- Ứng dụng, chế biến phân rác và tái chế chất thải;

- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp; - Lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước (bao gồm kênh, mương, cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh);

- Thu gom rác thải không độc hại;

- Thu gom rác thải độc hại;

- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;

- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;

- Tái chế phế liệu;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng Nghĩa trang;

- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ:

+ Dịch vụ địa táng, hoả táng, các dịch vụ có liên quan khác;

+ Bảo quản thi hài, khâm liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng;

+ Dịch vụ nhà tang lễ;

+ Bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ;

+ Trông coi nghĩa trang.

- Tư vấn xử lý môi trường

- Xây dựng nhà các loại
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+ Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải;

+ Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải.

+Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan: Cung cấp dịch vụ trồng, chăm sóc cấy xanh, cây cảnh,bồn hoa, thảm cỏ.

+Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa khồng khí.

+Lắp đặt hệ thống điện

+Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các công trình cây xanh, cây cảnh

+Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

+ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn xử lý môi trường.

+ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

+Kinh doanh bất động sản,quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

+Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua, bán buôn, sơ chế phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

+ Xây dựng công trình thủy.

+ Xây dựng công trình khai khoáng.

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

(Nguồn: CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

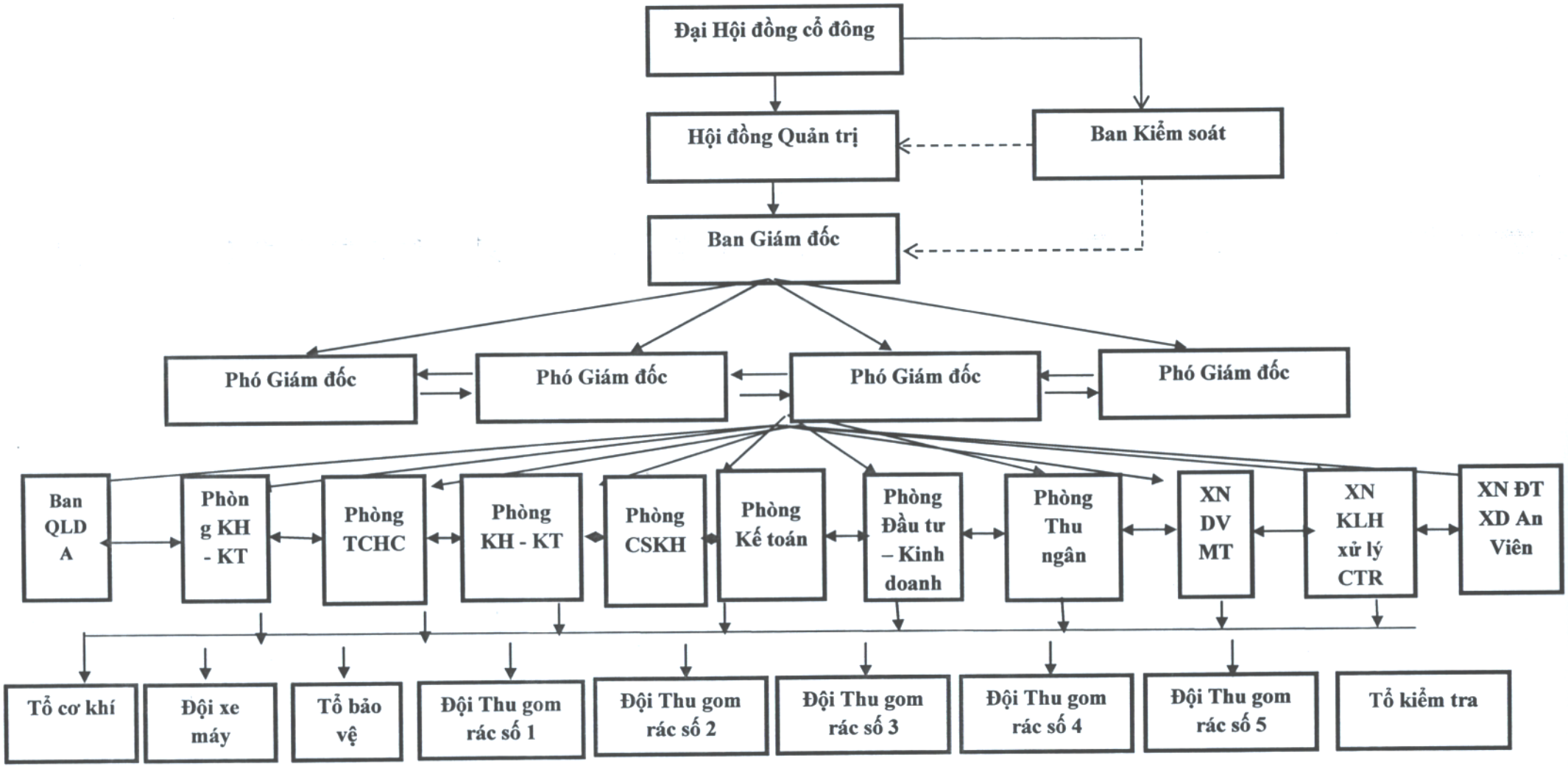

❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty hiện hành..

❖ **Hội đồng quản trị:**

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty cổ phần. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên.

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

❖ **Ban Giám đốc công ty**

Ban giám đốc CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An có chức năng điều hành trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và theo quy chế phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban giám đốc công ty hướng đến các mục tiêu kinh doanh trong từng giai đoạn, tuân thủ các chủ trương, chiến lược, kế hoạch hoạt động do Hội đồng quản trị đưa ra, chịu sự chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức hành chính có chức năng nhiệm vụ:**

Phòng tổ chức hành chính là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng quản lý nhân sự lao động của Công ty. Tham mưu về công tác đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động đội ngũ cán bộ, tuyển dụng lao động mới; xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động, lập kế hoạch trang bị bảo hộ lao động, phương tiện ,thiết bị bảo vệ cá nhân, dụng cụ văn phòng công ty. Tham mưu giải quyết các chế độ cho người lao động, hướng dẫn kiểm tra chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty . Phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Ngoài ra, phòng có nhiệm vụ hành chính và lễ tân, đón tiếp khách, phục vụ hội nghị, văn thư, in ấn tài liệu, y tế, bảo vệ, công vụ, điều động xe, và thừa lệnh Giám đốc ký một số văn bản của công ty.

❖ **Phòng Kế toán có chức năng nhiệm vụ**

Tham mưu về công tác tài chính kế toán , phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Luật Kế Toán, Tổng hợp quyết toán trong toàn công ty, báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;Tham mưu thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, đóng các khoản thuế,quỹ cho Nhà nước đúng quy định; Thống kê, quản lý tài sản, nguồn vốn doanh nghiệp.

Quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty. Xây dựng, trình Ban Lãnh Đạo công ty phê duyệt các phương án thu, chi cấp phát, điều tiết vốn và thực hiện các quan hệ nộp và thanh toán vốn trong nội bộ cũng như các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

❖ **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật có chức năng nhiệm vụ:**

Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất của công ty, kế hoạch giao khoán định mức nội bộ, bao gồm: Định mức nhân công, định mức nhiên liệu, định mức giao khoán các loại phương tiện máy móc; kinh doanh và thống kê; tổ chức, điều hành hoạt động của công ty trong lĩnh vực công ích;

Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch sử dụng các nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và dài hạn của Công ty.

❖ **Phòng Đầu tư – Kinh doanh có chức năng nhiệm vụ:**

Tham mưu lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện các hợp đồng cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường, các dịch vụ kinh doanh khác được luật pháp cho phép.

Theo dõi công nợ khách hàng;

Tổ chức thi công các công trình do Công ty ký hợp đồng với đơn vị chủ đầu tư

❖ **Xí nghiệp Dịch vụ môi trường**

Xí nghiệp dịch vụ môi trường tìm thị trường dịch vụ trong ngành nghề cho phép, phát triển , mở rộng quy mô dịch vụ vệ sinh môi trường ra các huyện, thị và vùng phụ cận ổn định công tác sản xuất dịch vụ và công ăn việc làm cho người lao động. Phối hợp với các đội sản xuất 1,2,3,4,5, đội xe máy, thực hiện nhiệm vụ Công ty giao và thực hiện thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường tại các chợ trên địa bàn thành phố Vinh.

❖ **Phòng Thu ngân**

Có chức năng tham mưu, lập kế hoạch, phối hợp với các phường xã xác minh, rà soát lập danh sách nhân khẩu hộ gia đình, hộ kinh doanh, các cơ quan, doanh nghiệp sát với thực tế…trình UBND thành phố Vinh phê duyệt, làm cơ sở để thành phố Vinh giao kế hoạch thu giá dịch vụ VSMT của từng năm theo đúng quy định. Tham mưu bố trí phân địa bàn quản lý cho các chuyên quản. Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường đến từng đối tượng thu theo danh sách lập bộ đã được Thành phố phê duyệt và theo kế hoạch chỉ tiêu thành phố và Công ty giao.

Phối hợp với phòng Kế toán hợp đồng với công ty in hóa đơn, phiếu thu: Số lượng hóa đơn, phiếu thu căn cứ vào danh sách lập bộ, kế hoạch giao khoán thu, được UBND thành phố Vinh phê duyệt. Tham mưu cho chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về việc sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho công tác thu giá dịch vụ VSMT, tiền lương và các chế độ khác cho VSV thu gom rác trong khối xóm….trình UBND thành phố Vinh

phê duyệt. Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo Công ty các giải pháp, sáng kiến mới phù hợp với nhiệm vụ và nhằm đạt hiệu quả cao trong lập bộ và thu giá dịch vụ VSMT, thu gom rác trong các khối, xóm dân cư.

❖ **Ban Quản lý dự án**

Có chức năng nhiệm vụ lập đề cương khảo sát,kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn gồm: Tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm tra hồ sơ mời thầu và đánh giá kết quả đấu thầu….. trình chủ đầu tư phê duyệt theo thẩm quyền và triển khai và triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Tham mưu hồ sơ, thủ tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án của Công ty.

Tham mưu nội dung biên bản thương thảo, nội dung hợp đồng trình Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng với nhà thầu.Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký.Tổ chức nghiệm thu, rà soát khối lượng.

Có trách nhiệm tham mưu cho chủ đầu tư mời tổ chức kiểm toán trước khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình .

❖ **Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Nghi Yên**

Vận hành khu liên hợp xử lý CTR Nghi Yên theo quyết định của UBND tỉnh phê duyệt đúng quy định, có chức năng xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp.

❖ **Phòng Chăm sóc khách hàng.**

Tham mưu xây dựng, trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hàng năm, dài hạn, các đề án, dự án về công tác hỗ trợ, chăm sóc khách hàng, định hướng phát triển của phòng.Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin hỗ trợ, tư vấn, chăm sóc khách hàng…

❖ **Xí nghiệp đầu tư và xây dựng An Viên**

Kinh doanh dịch vụ, đầu tư xây dựng các nghĩa trang cát tang, xây dựng khu lăng mộ cho các dòng họ, hộ gia đình, các dự án di dời nghĩa trang; Chăm sóc, duy tu bảo dưỡng các phần mộ; Trồng, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên các khu nghĩa trang đã được xây dựng.

Nhiệm vụ kế hoạch phải bắt nguồn từ xí nghiệp, Xí nghiệp chủ động đề ra kế hoạch, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch trình lên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt. Trong trường hợp xí nghiệp phải có dự kiến kế hoạch để trình thì HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc sẽ xem xét tình hình nhiệm vụ chung, khả năng, điều kiện thực tế của xí nghiệp để ra chỉ tiêu kế hoạch cho Xí nghiệp. Xí nghiệp có nhiệm vụ thực hiện đúng theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, của xí nghiệp; Các nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể, các văn bản quy định của công ty, văn bản ủy quyền của chủ tịch HĐQT, giám đốc công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Các lĩnh vực liên quan đến công tác tài chính kế toán do phòng kế toán, Kế toán trưởng công ty tham mưu,quản lý báo cáo

Các đơn vị trực thuộc Công ty

Đội thu gom rác: Trực tiếp triển khai lao động thực hiện nhiệm vụ quét, thu gom và vận chuyển chất thải rác sinh hoạt và các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

Tổ bảo vệ: Thực hiện công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản tại trụ sở công ty, các khu tập kết xe, thiết bị của Công ty.

Tổ cơ khí: Trực tiếp sữa chữa, bảo dưỡng phương tiện thiết bị xe máy và sản xuất một số phương tiện phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đội xe máy: Quản lý các xe, máy chuyên dụng và sắp xếp bố trí lao động và các phương tiện xe máy thực hiện các công việc vận chuyển rác về KLH Nghi Yên và các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

Tổ kiểm tra, trực thuộc phòng TCHC: Thực hiện việc kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, chất lượng vệ sinh môi trường, nội quy lao động…

4. Định hướng phát triển

Ban điều hành công ty đã đề ra chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của như sau:

- Toàn bộ chất thải rắn phải được gom và vận chuyển theo quy trình khép kín và các phương tiện có khả năng vận chuyển khối lượng lớn nhằm giảm chi phí và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thu gom triệt để bằng phương pháp cơ giới hóa kết hợp với thiết bị chuyên dùng, bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với từng vùng, từng địa phương.
- Cơ giới hóa phương tiện thu gom để chuyển lượng rác vào các điểm tập kết rác tạm thời,trạm trung chuyển nằm xa khu dân cư.
- Đẩy mạnh công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh sau xây dựng, vệ sinh nhà cửa, công sở.
- Xây dựng và vận hành bãi chôn lấp rác đạt tiêu chuẩn, giảm thiểu tối đa ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.
- Quy hoạch khu chia rác sinh hoạt, rác công nghiệp để có phương thức xử lý phù hợp.
- Tận dụng chất thải xây dựng để phủ lấp rác thay thế việc đ ào thải làm ô nhiễm và ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.
- Tận dụng nguồn khí Metan phát sinh từ bãi rác tạo năng lượng phục vụ vận hành bãi rác.
- Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với người dân và tạo điều kiện để có sự phân loại tại nguồn, giảm thiểu lượng rác thải chôn lấp.

5. Các rủi ro

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, việc chuyển này đồng nghĩa với việc phân chia lại trách nhiệm quản lý, quyền kiểm soát doanh nghiệp và chuyển đổi cơ chế vận hành doanh nghiệp. Điều đó đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, tư duy quản trị của ban lãnh đạo và trình độ chuyên môn, phong cách và thái độ làm việc của cán bộ nhân viên người lao động, cũng như cải tiến các quy trình SXKD theo hướng trách nhiệm, hiệu quả.

Việc giữ vững và phát triển thị phần lĩnh vực hoạt động như Vệ sinh môi trường, đầu tư xây dựng dịch vụ nghĩa trang, hút hầm bể phốt sẽ gặp nhiều khó khăn do ngày càng nhiều tổ chức kinh tế doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực này, tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt hơn, nguồn kinh phí đầu tư, đấu thầu, giao kế hoạch đang còn thấp.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

- Doanh thu hoạt động tài chính 1.058.074.484 đồng

- Thu nhập khác: 986.745.500 đồng

Nộp nghĩa vụ Nhà nước:

- Nộp BHXH: 12.955.342.000 đồng bằng 110% so với năm 2022

- Nộp thuế VAT, thuế môn bài, thuế đất: 8.863.879.000 đồng bằng 110% so với năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2021 -2026)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vố NN: 66.66%)	Điều hành
2	Phú Văn Phượng	Thành viên HĐQT, Giám đốc (Người đại diện phần vố NN: 16.66%%)	Điều hành
3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT ,Phó giám đốc	Điều hành
4	Phạm Quang Dụ	Thành viên HĐQT ,Kế toán trưởng (Người đại diện phần vố NN: 16.66%)	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT ,phó giám đốc	Điều hành

Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT của công ty như sau:

a. Ông Nguyễn Chí Thông – Chủ tịch HĐQT (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	NGUYỄN CHÍ THÔNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/02/1975
Nơi sinh	Khối Minh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh NA
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối Minh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh NA
CMND	182 216 083 cấp ngày 25/08/2006 tại Công an Nghệ An
Điện thoại liên hệ	0918 401 239
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ,Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức	Bí thư Đảng ủy Công ty

khác	
Quá trình công tác 3/2000 – 10/2001 10/2001 – 8/2002 8/2002 – 8/2008 8/2008 – 4/2013 4/2013 – 7/2020 30/07/2020 - nay	 Cán bộ trạm khuyến nông Thành phố vinh, Nghệ An Chuyên viên phòng thương mại du lịch – UBND TP Vinh Chuyên viên phòng công nghiệp – thương mại – du lịch – UBND thành phố Vinh Chuyên viên phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh Phó trưởng phòng kinh tế - UBND thành phố vinh Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	1.976.669 cổ phần – Tỷ lệ: 53,86%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b. Ông Phú Văn Phượng – Thành viên HĐQT ,Giám đốc Công ty (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHÚ VĂN PHƯỢNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/8/1969
Nơi sinh	Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 13, phường Hà Huy Tập, Vinh, Nghệ An
CMND	181 958 214
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	TV. HĐQT; Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó bí thư Đảng ủy Công ty
Quá trình công tác	
1987 – 1990	Công nhân Xí nghiệp vệ sinh TP. Vinh
1990 – 2000	Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh
2000 – 2002	Đội trưởng Đội xử lý Đông Vinh, Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh
2002 – 2007	Đội trưởng Đội kiểm tra vệ sinh môi trường – Trưởng phòng Thu phí vệ sinh, Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh
2007 – 2009	Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH Môi trường đô thị TP. Vinh
2009 – 2010	Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh
2010 – 2011	Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp Khu Liên Hiệp xử lý chất thải rắn, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
2011 – 5/2016	Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
6/2016 – 30/09/2019	Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
1/10/2019 - nay	TV HĐQT, Giám đốc Công ty
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	500.015 cổ phần – tỷ lệ: 13,62%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	5.700 cổ phần – tỷ lệ 0,16%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy quyền)	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

c. Ông Phạm Văn Dương – Thành viên HĐQT ,Phó giám đốc(Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHẠM VĂN DƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/10/1968
Nơi sinh	Nghi Mỹ - Nghi Lộc – Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 9, Phường Hà Huy Tập, Vinh, Nghệ An
CMND	181958240
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác 03/1986 – 09/1988 12/1988 – 03/1990 03/1990 – 12/1990 01/2010 – 12/2010 01/2011 – 5/2016 6/2016 – 11/2021 12/2021 - nay	 Bộ đội C41, D4, E88, F308 Nhân viên Xí nghiệp vệ sinh thành phố Vinh Cán bộ Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An Trưởng phòng Tổ chức hành chính, thành viên Hội đồng quản trị, CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An. Thành viên HĐQT,Phó giám đốc công ty,
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

d.Ông Phạm Quang Dụ – Thành viên HĐQT, TP kế toán kiêm Kế toán trưởng(Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHẠM QUANG DỤ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/10/1969
Nơi sinh	Kỳ Sơn – Hòa Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 24, đường Thành Thái, P. Hưng Phúc, Vinh
CMND	186 542 501
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Học viện Tài chính
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	UVBCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025
Quá trình công tác 10/1989 - 1990 1990 – 03/2002 04/2002 – 5/2009 01/6/2009 – 2010 2010 – 2011 2011 – 2014 01/1/2015 – 6/2016 02/6/2016 – Nay	 Công nhân Đội Thị chính – Xí nghiệp vệ sinh. Công nhân Đội thị chính – Công ty Môi trường đô thị Tp. Vinh Đội phó Đội Xe máy – Công ty Môi trường đô thị TP. Vinh. Phó phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An Kế toán trưởng, thành viên HĐQT – Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An. NDD phần vốn nhà nước tại Cty, Kế toán trưởng Công ty
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	503.915 cổ phần – tỷ lệ: 13,73%
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	9.600 cổ phần – tỷ lệ: 0,26%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy quyền)	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

d. Ông Nguyễn Công Đức – Thành viên HĐQT ,Phó giám đốc Công ty (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	NGUYỄN CÔNG ĐỨC
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/4/1977
Nơi sinh	Vinh, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 14, phường Trường Thi, Vinh, Nghệ An.
CMND	186 246 801
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị KD
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	UVBCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025
Quá trình công tác 2002 – 2009 2009 – 2010 2010 – 2011 2011 – 5/2016 6/2016 – 10/2018 11/2018 - nay	 CBCNV Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh, CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An; Trưởng phòng KHKT, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An. Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị

	Nghệ An,Phó giám đốc Công ty,
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: đến tại thời điểm ngày 31/12/2023 tổng số lao động của công ty là 495 người

Bảng 1: Cơ cấu lao động công ty tại ngày 31/12/2023

Stt	Nội dung	Số lao động (người)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	99
2	Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	78
3	Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân, kỹ thuật, dạy nghề.	77
4	Số lao động chưa qua đào tạo	241
	Tổng số lao động	**495**

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Mức lương bình quân cho người lao động toàn công ty năm 2023 là: 10.731 triệu đồng/người/tháng.
- Thời gian làm việc: Lao động gián tiếp: từ thứ hai đến thứ sáu theo giờ hành chính (08h/ngày).

  Lao động trực tiếp: Từ thứ 2 đến thứ 7.
- Chính sách lương, thưởng của Công ty theo các quy chế,quy định hiện hành.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Tổng giá trị tài sản	181.338.123.385	211.662.260.398	
2. Doanh thu thuần	141.483.451.849	162.602.802.401	
3. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.142.873.215	1.319.018.860	
4. Lợi nhuận khác	743.789.486	974.377.007	
5. Lợi nhuận trước thuế	1.886.662.701	2.293.395.867	
6. Lợi nhuận sau thuế	1.509.330.161	1.798.684.869	
7.Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	267.32	318.57	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An)

(*) Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/06/2016 do vậy không so sánh tăng giảm do kỳ kế toán không đồng nhất,

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Ghi chú
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	0.997	0.992	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.79	0.96	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.372	0.316	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.592	0.462	
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho **Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho** bình quân	5.705	7.6	
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở	0.011 0.133	0.011 0.012	

hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.008 0.009	0.008 0.008	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần là 3.669.999 và loại cổ phần đang lưu hành bao gồm cổ phần ưu đãi, cổ phần cam kết và cổ phần phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông: Đại diện phần vốn nhà nước: 2.965.299 CP

Cổ phần ưu đãi: 342.100 CP

Cổ phần cam kết: 347.600 CP

Cổ phần phổ thông: 15.000 CP

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: trong năm 2023 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1. Tác động lên môi trường

Công ty đã kịp thời khắc phục và xử lý về việc ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước từ việc xử lý rác thải. Sử dụng các chế phẩm xử lý rác thải nhằm hạn chế việc ô nhiễm, phát thải mùi hôi.

Thường xuyên tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường về thời gian, địa điểm đổ rác,phân loại rác tại nguồn.

Phối hợp các phường xã tổ chức VSMT vào ngày chủ nhật xanh.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số CBCNV: 495người

Mức lương trung bình: 10.731 triệu đ/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Căn cứ quy định của Nhà nước và quy chế trả lương của Công ty hiện hành.
- Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm và theo khoán theo sản phẩm
- Thực hiện đóng BHXH, BHYT, mua BHTN cho người lao động đúng chế độ, chính sách Nhà nước và Công ty đầy đủ, kịp thời
- Thực hiện đầy đủ, trách nhiệm về công tác an toàn vệ sinh lao động, trang cấp Bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ và thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự bồi dưỡng kiến thức nâng cao nghiệp vụ để phù hợp với tình hình mới tại Công ty sau cổ phần hóa. Tăng cường đào tạo về chuyên môn, quán triệt về thái độ, phong cách làm việc nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đối với khách hàng .

Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ

Ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề bậc cao, công nhân đã đào tạo vào làm việc được ngay, trường hợp không có, mới tuyển dụng lao động mới có sức khỏe, có ý thức trách nhiệm cao.

PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC TẠI CÔNG TY

1. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2023 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2023

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
1. TSCĐ hữu hình			
Nhà cửa và vật kiến trúc	94.028.368.066	123.242.098.027	
Máy móc thiết bị	1.652.079.600	1.532.016.614	
Phương tiện vận tải	18.161.397.047	15.631.854.707	
Thiết bị, dụng cụ quản lý	681.398.996	1.329.598.355	
Tài sản cố định khác			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

b, Tình hình nợ phải trả

Bảng 4: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	**Nợ ngắn hạn**	**54.993.506.234**	**64.267.882.254**	**59.564.012.681**

1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	4.019.311.647	4.379.389.045	15.537.298.347
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	252.900.430	491.434.539	300.642.657
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.777.144.648	1.883.634.296	1.424.619.118
4	Phải trả người lao động	(686.578.564)	3.928.187.410	9.349.212.889
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.351.806.719	1.029.772.970	627.000.000
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	46.996.744.994	51.957.822.077	32.269.000.759
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	282.176.360	597.641.917	56.238.911
II	**Nợ dài hạn**	**1.473.424.662**	**3.189.000.000**	**7.367.904.000**
	Phải trả dài hạn	93.000.000	99.000.000	4.451.904.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.380.424.662	3.090.000.000	2.916.000.000
	Tổng nợ phải trả	**56.466.930.896**	**67.456.882.254**	**66.931.916.681**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021,2022,2023 của CTCP Môi trường và CTĐT Nghệ An)

2. Giải trình đối với ý kiến kiểm toán:

Văn bản giải trình ngoại trừ của Kiểm toán

* Trong năm 2023, Công ty đang hạch toán giá vốn của hoạt động chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân lần lượt là 15.392.934.939 đồng và 12.797.180.079 đồng; giá vốn được ước tính theo tỷ lệ trên doanh thu như được trình bày tại thuyết minh số 4 về Chính sách kế toán. Trên cơ sở bằng chứng kiểm toán đã thu thập, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng ước tính trên là hợp lý.

Nguyên nhân của việc chưa đủ cơ sở để ước tính giá vốn do:

Theo quyết định giao đất, các công trình nghĩa trang Công ty xây dựng hạ tầng nhằm phục vụ công tác di dời mồ mả cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh. Đến thời điểm 31/12/2023, các dự án nghĩa trang vẫn đang dở dang, bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2023 Công ty chưa thống kê chính xác được diện tích của nghĩa trang sử dụng có thu tiền và diện tích không thu được tiền (diện tích cho các ngôi mộ vô chủ). Vì vậy, giá vốn tương ứng với doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đang được tạm ước tính là khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận.

Do đó kính đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xem xét tạo điều kiện để Công ty hoàn thành tốt các báo cáo liên quan.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ về vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, trồng, chăm sóc cảnh quan đô thị tại tỉnh Nghệ An và trong khu vực .

Lĩnh vực hoạt động chính mà công ty cung cấp chủ yếu là hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị, đây là một lĩnh vực kinh doanh đặc thù khi nền kinh tế đang phát triển, các giai đoạn trước, khi chưa có chủ trương về đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thì hoạt động này chủ yếu là do các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước vận hành, với mục tiêu chính là hiệu quả xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận. Sau khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này, nhà nước vẫn phải nắm giữ cổ phần chi phối để đảm bảo mục tiêu chính của doanh nghiệp là dịch vụ công ích, đảm bảo hiệu quả xã hội. Công ty có nhiều lợi thế và điều kiện để có thể đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại nhiều giá trị kinh tế - xã hội cho chủ sở hữu.

Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An đã phát huy mạnh mẽ tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ công ích.

Cán bộ công nhân viên trong Công ty có tinh thần trách nhiệm, nỗ lực và sáng tạo trong lao động, không chỉ thúc đẩy hiệu quả SXKD mà còn tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, năng động.

Phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An đã tạo nên một mô hình kinh doanh mới, một diện mạo mới về hiệu quả kinh doanh và trở thành một doanh nghiệp có năng lực thực sự và đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội và quý khách hàng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

HĐQT luôn theo dõi sâu sát các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc tại Công ty để thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động của các phòng, ban, xí nghiệp,đội, trên cơ sở đó kiểm tra,chỉ đạo giám sát đối với Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các Quy chế của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tại các cuộc họp HĐQT, Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên HĐQT đã phối hợp với Ban Giám đốc Công ty trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với sự phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư, ngành kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường cần được thực hiện từng bước chắc chắn để trở thành ngành phục vụ dịch vụ công ích gắn với lợi ích kinh tế quan trọng. Trong những năm tới, nhịp độ tăng trưởng về quy mô kinh tế sẽ được đẩy nhanh, nhu cầu vệ sinh môi trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư tăng cao nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ vệ sinh môi trường tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng để phát triển.

Tốc độ tăng trưởng dân số tại đô thị cùng với tốc độ đô thị hóa cao tạo ra nhu cầu lớn về xây dựng các công trình kết cấu cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải và các nhu cầu dịch vụ công khác. Do đó, trong thời gian tới, công ty sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng đô thị và nhiều lĩnh vực tiềm năng khác.

Tầm nhìn đến năm 2025, phát triển và xây dựng doanh nghiệp trở thành doanh nhiệp mạnh và uy tín cả nước. Đủ năng lực và đáp ứng nhu cầu của Quý khách hàng.

Công ty chú trọng việc kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các lĩnh vực về môi trường.

- Thông qua liên doanh đầu tư dự án nhà máy xử lý rác thải nguy hại, xử lý chất thải công nghiệp, tiến tới xây dựng khu liên hợp xử lý rác thải bền vững.

- Thông qua nguồn hỗ trợ của các chính phủ đặc biệt là của Nhật Bản để đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải phát điện, làm phân bón.

- Quản lý hiệu quả chất thải rắn của thành phố bằng việc:

- Triển khai dự án phân loại rác tại nguồn theo đề án của UBND tỉnh phê duyệt nhằm tái chế, sử dụng và giảm thiểu rác thải tại các đường nội thành dựa trên kinh nghiệm của các nước Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia và một số nước Châu âu.
- Đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực quản lý, thu gom vận chuyển rác thải các Tỉnh, các huyện phụ cận.
- Đầu tư hệ thống xử lý nước rỉ rác ở bãi rác đạt tiêu chuẩn thải Việt Nam
- Đầu tư thêm phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ tại Công ty.
- Đầu tư và mở rộng quy mô về dịch vụ nghĩa trang cát táng.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành
2	Phú Văn Phượng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành
3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc, trưởng phòng tổ chức hành chính	Điều hành
4	Phạm Quang Dụ	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT Kiêm phó giám đốc	Điều hành

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty.

HĐQT giao trách nhiệm cho Ban Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Ban kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát(Nhiệm kỳ 2021-2026)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban Kiểm soát
2	Hoàng Nghĩa Chiến	Thành viên Ban kiểm soát
3	Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy – Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và tên	NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	11/12/1975
Nơi sinh	Xã Phúc Sơn – huyện Anh Sơn – tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 15 – phường Lê Lợi – TP Vinh – Nghệ An
CCCD	040175004481
Điện thoại liên hệ	0915 687 884
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Quá trình công tác Từ 01/1996 – 04/1997 Từ 05/1997 – 04/2012 Từ 05/2012 – 04/2016 Từ 05/2016 – 2/2020 Từ 03/2020 – 09/2022 Từ 10/2022 - nay	 Công nhân công ty TNHH MTV môi trường đô thị Nghệ An Văn Thư công ty TNHH MTV môi trường đô thị Nghệ An Nhân viên phòng đầu tư kinh doanh Nhân viên xí nghiệp đầu tư và xây dựng An Viên Nhân viên phòng đầu tư kinh doanh Trưởng ban kiểm soát

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.900 cổ phần – tỷ lệ 0.11%
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	3.900 cổ phần – tỷ lệ 0.11%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Bà Lê Thị Tuyết Dung –Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	LÊ THỊ TUYẾT DUNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/2/1987
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 1, phường Trung Đô, Vinh, Nghệ An
CMND	186 442 303
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Đại học Thương Mại
Chức vụ hiện nay	Phó phòng Thu ngân, thành viên ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác 6/2009 – đến 2010 2010 – 2011 2011 – 6/2016 6/2016 – nay	 Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh Nhân viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An Phó phòng thu ngân, thành viên Ban kiểm soát CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%

Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Hoàng Nghĩa Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG NGHĨA CHIẾN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/03/1984
Nơi sinh	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 7 Thị Trấn Hưng Nguyên, Nghệ An
CMND	186 493 228
Điện thoại liên hệ	0986 220 882
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác 2009 – 2019 2019 – 2022 2022- đến nay	 Nhân viên phòng kinh tế công ty thoát nước và PTĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Nhân viên xí nghiệp dịch vụ môi trường - Công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An Nhân viên phòng kế toán – Công ty CP Môi trường và CTĐT Nghệ An

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Không
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2023

Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán. Trong trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiến hành kiểm tra các báo cáo về tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, các báo cáo đánh giá về công tác quản lý của Hội đồng quản trị để từ đó trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Tiến hành kiểm tra, rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, cảnh báo của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Phụ cấp của Hội đồng quản trị:

Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty

Ông: Phú Văn Phượng: 4.618.000đ/ 1 quý

Ông|: Phạm Văn Dương: 4.618.000đ/ 1 quý

Ông: Phạm Quang Dụ: 4.618.000đ/ 1 quý

Ông: Nguyễn Công Đức: 4.618.000đ/ 1 quý

Phụ cấp của Ban kiểm soát:

Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm do Ban kiểm soát xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông quyết định

Ông: Hoàng Nghĩa Chiến: 2.050.000đ/ 1 quý

Bà: Lê Thị Tuyết Dung: 2.050.000đ/ 1 quý

VI. Thuyết minh báo cáo tài chính

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/6/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021 là 36.699.990.000 VND *(Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM với mã chứng khoán là NAU.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 495 người (tại ngày 31/12/2022 là 466 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tuy bảo dưỡng nghĩa trang); Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Tư vấn xử lý môi trường.

Hoạt động chính của công ty trong năm là: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày

21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

1.1 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. *CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)*

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân

- Công trình nghĩa trang đã hoàn thành và chuyển giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng phần mộ cá nhân cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân: Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân được ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đã ghi nhận trong năm. Công ty ước tính giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tương ứng với 80% phần doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí tài chính khác.

4. *CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và chủ yếu hoạt động trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.593.855.478	394.826.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.964.028.417	10.832.383.817
Tổng	**11.557.883.895**	**11.227.210.356**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	14.769.000.000	14.769.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	**14.769.000.000**	**14.769.000.000**	**12.000.000.000**	**12.000.000.000**

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CP MT cây xanh Nghi Lộc	341.332.782	207.305.176
Công ty MT cây xanh Diễn Châu	517.832.412	-
UBND Thành phố Vinh	5.892.464.453	2.925.681.548
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	322.429.000
Xã Kim Liên	83.858.318	140.705.680
CN Tập đoàn công nghiệp than - khoảng sản VN - Công ty nhôm Đắk Nông-TKV	1.914.585.995	-
Phòng Kinh Tế Hạ Tầng Huyện Phong Thổ - Lai Châu	905.275.000	-
Khách hàng khác	6.221.964.505	5.557.415.110
Tổng	**16.199.742.465**	**9.153.536.514**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Đối tượng khác	105.718.640	193.700.000
Tổng	**105.718.640**	**193.700.000**

5.5 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trương Sỹ Đông	504.500.000	-	494.500.000	-
Hồ Sỹ Thông	240.000.000	-	240.000.000	-
Nguyễn Thị Âu Huyền	315.000.000	-	315.000.000	-
Nguyễn Công Đức	-	-	1.860.000.000	-
Hồ Quang Huy	1.430.000.000	-	1.430.000.000	-
Hoàng Lê Dũng	1.242.630.000	-	1.242.630.000	-
Các khoản phải thu khác	8.078.681.044	-	7.045.523.817	-
Tổng	**11.810.811.044**	**-**	**12.627.653.817**	**-**

5.6 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	-	322.429.000	-
Đối tượng khác	54.690.000	-	54.690.000	-
Tổng	**377.119.000**	**-**	**377.119.000**	**-**

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	140.683.650	-	150.902.008	-
Công cụ, dụng cụ	106.003.075	-	71.109.951	-
Chi phí SXKD dở dang	1.384.889.544	-	12.061.675.405	-
Tổng	**1.631.576.269**	**-**	**12.283.687.364**	**-**

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**1.977.919.076**	**3.216.111.886**
Chi phí sửa chữa tài sản	1.402.384.409	3.176.378.053
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	289.111.372	39.733.833
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	286.423.295	-
Dài hạn	**5.179.447.903**	**2.474.285.607**
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	344.481.354	899.824.367
Chi phí sửa chữa tài sản	4.702.782.340	732.970.711
Chi phí trả trước dài hạn khác	132.184.208	841.490.529
Tổng	**7.157.366.979**	**5.690.397.493**

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2023	**113.973.209.782**	**1.869.462.963**	**48.282.987.476**	**1.506.737.592**	**165.632.397.813**
Tăng trong năm	**36.294.234.000**	**176.000.000**	**2.519.861.112**	**800.675.000**	**39.790.770.112**
- Mua trong năm	-	176.000.000	2.519.861.112	800.675.000	3.496.536.112
- Đầu tư XDCB hoàn thành	36.294.234.000	-	-	-	36.294.234.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	**150.267.443.782**	**2.045.462.963**	**50.802.848.588**	**2.307.412.592**	**205.423.167.925**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2023	**19.944.841.716**	**217.383.363**	**30.121.590.429**	**825.338.596**	**51.109.154.104**
Tăng trong năm	**7.080.504.039**	**296.062.986**	**5.049.403.452**	**152.775.641**	**12.578.746.118**
- Khấu hao trong năm	1.238.992.836	296.062.986	5.049.403.452	152.775.641	6.737.234.915
- Hao mòn trong năm	5.841.511.203	-	-	-	5.841.511.203
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	**27.025.345.755**	**513.446.349**	**35.170.993.881**	**978.114.237**	**63.687.900.222**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	**94.028.368.066**	**1.652.079.600**	**18.161.397.047**	**681.398.996**	**114.523.243.709**
Tại ngày 31/12/2023	**123.242.098.027**	**1.532.016.614**	**15.631.854.707**	**1.329.298.355**	**141.735.267.703**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 5.259.188.116 VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.224.169.716 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 13.184.815.189 VND (tại ngày 01/01/2023 là 7.700.951.903 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dãy nhà 9 phòng	828.250.998	-
Dãy nhà 8 phòng	772.388.641	-
Nhà thể thao	-	647.640.000
Cây xanh	582.080.000	-
Đầu tư nhà xưởng mới và công trình phụ trợ	1.548.230.354	-
Hạng mục khác	1.595.299.115	617.480.247
Tổng	**5.326.249.108**	**1.265.120.247**

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàng Minh	818.476.000	818.476.000	818.476.000	818.476.000
Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại Tràng An	3.242.399.220	3.242.399.220	-	-
Công ty Xăng dầu Nghệ An	2.747.501.983	2.747.501.983	1.029.468.727	1.029.468.727
Công ty TNHH Dịch vụ Sông Gang	57.730.000	57.730.000	442.476.000	442.476.000
Nguyễn Thị Hà	-	-	968.630.000	968.630.000
Quang	3.159.118.750	3.159.118.750	-	-
Các đối tượng khác	5.512.072.394	5.512.072.394	1.120.338.318	1.120.338.318
Tổng	**15.537.298.347**	**15.537.298.347**	**4.379.389.045**	**4.379.389.045**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

Phải nộp	01/01/2023 VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.626.301.756	8.680.039.756	9.418.751.635	887.589.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp	257.332.540	494.710.998	266.552.147	485.491.391
Thuế thu nhập cá nhân	-	53.745.950	2.208.100	51.537.850
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	180.840.532	180.840.532	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	23.429.509	23.429.509	-
Tổng	**1.883.634.296**	**9.435.766.745**	**9.894.781.923**	**1.424.619.118**

Phải thu	01/01/2023 VNĐ	Đã thu/Bù trừ VNĐ	Phải thu VNĐ	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.525.459.147	963.848.912	28.614.150	1.590.224.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.033.000	69.033.000		
Tổng	2.594.492.147	1.032.881.912	28.614.150	1.590.224.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền thuê xe (vận chuyển, hút bùn, ủi)	627.000.000	627.000.000
Chi phí phải trả khác	-	402.772.970
Tổng	**627.000.000**	**1.029.772.970**

5.14 Phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**32.269.000.759**	**51.957.822.077**
Kinh phí công đoàn	(741.010.067)	(669.994.892)
Thu giá dịch vụ phải nộp	10.529.639.142	13.522.361.937
Công trình nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và Cồn Vàng (*)	21.713.378.262	38.514.295.053
Kinh phí phòng cháy chữa cháy KLH	-	160.000.000
Các khoản phải trả khác	766.993.422	431.159.979
Dài hạn	**4.451.904.000**	**99.000.000**
Các khoản phải trả khác	4.451.904.000	99.000.000
Tổng	**36.720.904.759**	**52.056.822.077**

(*) Giá trị ứng trước của khách hàng để nhận chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tại các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	2.916.000.000	2.916.000.000	1.268.000.000	1.442.000.000	3.090.000.000	3.090.000.000
Tổng	**2.916.000.000**	**2.916.000.000**	**1.268.000.000**	**1.442.000.000**	**3.090.000.000**	**3.090.000.000**

(*) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số: 01/2021/8142103/HĐTD ngày 24/11/2021; Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng; Thời hạn: 60 tháng; Lãi suất: 10,5% (6 tháng điều chỉnh 1 lần); Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định. Và hợp đồng tín dụng số: 01/2022/8142103/HĐTD ngày 20/12/2022; Hạn mức tín dụng: 4.200.000.000 đồng; Thời hạn: 36 tháng; Lãi suất: 10% (6 tháng điều chỉnh 1 lần); Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2022	**36.699.990.000**	**435.110.860**	**322.618.238**	**37.457.719.098**
Lãi năm trước	-	-	1.509.330.161	1.509.330.161
Chia cổ tức	-	-	(322.618.239)	(322.618.239)
Trích lập quỹ	-	226.399.524	(754.665.080)	(528.265.556)
Số dư ngày 31/12/2022	**36.699.990.000**	**661.510.384**	**754.665.080**	**38.116.165.464**
Số dư ngày 01/01/2023	**36.699.990.000**	**661.510.384**	**754.665.080**	**38.116.165.464**
Lãi năm nay	-	-	1.798.684.869	1.798.684.869
Chia cổ tức (*)	-	-	(754.665.080)	(754.665.080)
Trích lập quỹ	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	**36.699.990.000**	**661.510.384**	**1.798.684.869**	**39.160.185.253**

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 16/6/2023 của Đại hội cổ đông, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 2,056% tương đương 754.665.080 đồng và trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 226.399.524 đồng và 528.265.556 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn góp của UBND tỉnh Nghệ An	29.652.990.000	29.652.990.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	7.047.000.000	7.047.000.000
Tổng	**36.699.990.000**	**36.699.990.000**

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	**36.699.990.000**	**36.699.990.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**754.665.080**	**322.618.239**

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) Cổ tức

	Năm 2023	Năm 2022
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	2,05%	0,87%

e) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.669.999	3.669.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

5.17 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	75.765.075.667	79.784.195.075
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ tăng trong năm	35.646.594.000	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ giảm trong năm	5.841.511.203	4.019.119.408
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm (*)	**105.570.158.464**	**75.765.075.667**

(*) Tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí này là Khu liên hợp xử lý rác thải Nghi Yên và một số tài sản khác liên quan. Các tài sản này được UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An quản lý, không tính là thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và được tính hao mòn theo quy định.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.209.867.462	121.018.777.416
Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	15.392.934.939	20.464.674.433
Tổng	**162.602.802.401**	**141.483.451.849**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	113.270.309.920	96.083.623.841
Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	12.197.180.079	16.421.864.697
Tổng	**125.467.489.999**	**112.505.488.538**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.058.074.484	105.278.531
Tổng	**1.058.074.484**	**105.278.531**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	346.473.699	208.997.388
Tổng	**346.473.699**	**208.997.388**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.455.645.050	11.870.006.435
Chi phí vật liệu quản lý	612.059.003	541.326.434
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	878.493.276	910.366.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	886.234.637	857.136.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.828.678.508	5.276.709.852
Chi phí bằng tiền khác	8.866.783.853	8.275.826.145
Tổng	**36.527.894.327**	**27.731.371.239**

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ	-	747.669.354
Tiền bồi thường	986.745.500	-
Thu nhập khác	-	80.000.000
Tổng	**986.745.500**	**827.669.354**

6.7 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chậm nộp BHXH	3.368.493	-
Chi phí khác	9.000.000	83.879.868
Tổng	**12.368.493**	**83.879.868**

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.293.395.867	1.886.662.701
- Chi phí không được trừ khác	*180.159.124*	-
- Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.473.554.991	1.886.662.701
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**494.710.998**	**377.332.540**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.798.684.869**	**1.509.330.161**
Các khoản điều chỉnh giảm		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(629.539.704)	(528.265.556)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**1.169.145.165**	**981.064.605**
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.669.999	3.669.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**318,57**	**267,32**

Công ty xác định số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 tại Điều 5 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 16/6/2023.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.468.115.883	16.004.477.141
Chi phí nhân công	83.673.137.675	71.050.513.069
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.737.234.915	4.715.885.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.416.093.339	21.339.127.732
Chi phí khác bằng tiền	15.170.354.043	14.548.536.925
Tổng	**149.464.935.855**	**127.658.540.641**

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan

a) Thông tin về Bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

b) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác:

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT	399.973.000	305.664.000
Phú Văn Phượng	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	316.514.000	252.624.000
Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	216.055.000	202.930.000
Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	251.724.000	214.279.000
Phạm Quang Dụ	Thành viên HĐQT (Kế toán trưởng)	287.298.000	228.666.000
Tổng		**1.471.564.000**	**1.204.163.000**

Ban kiểm soát	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	164.092.000	134.876.000
Lê Thị Tuyết Dung	Kiểm soát viên	186.164.000	136.216.480
Hoàng Nghĩa Chiến	Kiểm soát viên	145.274.000	86.868.000
Tổng		**495.530.000**	**357.960.480**

c) Số dư với Bên liên quan

Khoản mục/Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tạm ứng		**-**	**1.860.000.000**
Nguyễn Công Đức	Phó Giám đốc	-	1.860.000.000

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Vinh, ngày tháng 4 năm 2024

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Nguyễn Chí Thông